

# MỘT SỐ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

• **NGUYỄN THANH HOÀN**  
*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**B**ước vào thế kỉ XXI, các trường đại học trên thế giới đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng tăng. Khi nền kinh tế thế giới đang phát triển theo hướng toàn cầu hoá được tổ chức dựa trên giá trị của tri thức thì năng lực sử dụng những tiến bộ công nghệ mới một cách khôn ngoan, có hiệu quả của con người và của các tổ chức đã nổi lên như là một vấn đề cần được quan tâm đặc biệt. Các nước đang dựa vào các trường đại học và cao đẳng để định hình cho mình một tương lai tích cực hơn. Tuy nhiên, để chớp được lợi thế đó, các trường đại học phải xác định lại sứ mệnh, cải tổ quá trình hoạt động và chương trình đào tạo của mình để chúng trở nên linh hoạt hơn và nhạy bén hơn với những nhu cầu xã hội đang thay đổi nhanh.

Theo John Danniell, cựu hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Anh, câu về giáo dục đại học (GDĐH) đã vượt rất xa khả năng cung thực tế của nhiều nước do không gian ở các trường đại học hiện nay quá hẹp trong khi dân số học đường ngày càng tăng, đồng thời các nguồn tài chính và nhân lực ngày càng hạn chế. Theo ông, để duy trì được mức độ theo học hiện nay ở các trường đại học trên thế giới thì trong vòng 30 năm tới cứ mỗi tuần phải xây dựng thêm một trường đại học lớn ( mega-university).

Người ta cũng đang nghiên cứu điều kiện tiếp cận GDĐH từ nhiều góc độ. Hiện nay, các trường đại học truyền thống đang phải mở rộng khuôn viên của mình và mở thêm các điểm tiếp cận khác thông qua các chương trình học từ xa nhờ công nghệ mới. Trong khi đó, các siêu trường đại học (mega-universities) cũng bắt đầu xây dựng những cơ chế mạnh hơn kể cả các mối quan hệ giữa sinh viên và khoa. Những mối quan hệ đó vừa trực tiếp vừa được hỗ trợ bởi những công nghệ học tiên tiến. ở một số nước, đặc biệt là Mỹ, các trường đại học vì lợi nhuận đang được thành lập nhằm phục vụ những người lớn đang công tác. Bên cạnh đó, các cơ sở GDĐH trực tuyến và các liên minh chiến lược giữa các cơ sở đào tạo cũng đang hình thành.

Trên thực tế, rõ ràng là các trường đại học đang phải thay đổi để đáp ứng được nhu cầu

tương lai. Khi thay đổi như vậy, các trường này phải đối mặt với một số thách thức lớn và tự cải biến để thích ứng và đáp ứng những đòi hỏi của một môi trường ngày càng năng động và phức tạp. Dưới đây sẽ trình bày một số thách thức lớn này.

## 1. Loại bỏ biên giới giữa trường với bên ngoài.

Các trường phải đối mặt với thách thức là loại bỏ dần biên giới giữa họ và công chúng bên ngoài trong khi vẫn phải bảo vệ những giá trị và truyền thống cơ bản gắn liền với quyền tự do tìm tòi kiến thức, ý thức độc lập tư tưởng, quyền và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên.

## 2. Xây dựng những chương trình liên môn

Khi xã hội đang có nhiều vấn đề thì các trường đại học cũng có thêm nhiều khoa mà xã hội và khoa đó thường không tương thích với nhau. Họ cho rằng các trường phải tạo ra những gắn kết hơn nữa giữa các vấn đề ngoài xã hội với những bộ môn đang dạy ở trường, đồng thời các khoa phải tổ chức lại các môn học, khoá học, chương trình đào tạo và cơ cấu lại bộ môn để đáp ứng yêu cầu hiểu biết của học sinh về thị trường ngày càng phức tạp và tinh vi. Khi việc học của cá nhân ngày càng gắn liền với những kinh nghiệm và nghề nghiệp của họ thì việc dạy và học cần phải mang tính liên môn để phản ánh và giải quyết những vấn đề thực tế luôn đòi hỏi sự tích hợp quan điểm của nhiều môn học và nhiều cách tiếp cận khác nhau. Xu hướng này được mở rộng bởi nguyện vọng của học sinh muốn biết nhiều hơn chính thể của sự vật chứ không là kiến thức chuyên ngành.

## 3. Hỗ trợ những nỗ lực kinh doanh và công nghệ học tập

Với sức mạnh và khả năng của công nghệ truyền thông hiện nay như các trang websites toàn cầu và mạng internet, việc ứng dụng và tích hợp những công nghệ này với chiến lược và sáng kiến của các trường không còn là ưu tiên số một của nhiều trường nữa. Hơn thế nữa, cơ cấu ngân sách giảng dạy đã được ấn định không hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh ở cấp độ chương

trình, khoa hay đơn vị. Thông thường trong khuôn khổ cơ cấu phân bổ ngân sách này, việc bổ sung sinh viên, sử dụng các công nghệ học tập và tạo ra những con đường tiếp cận mới chỉ đơn thuần làm tăng khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên mà không tăng thêm những nguồn lực mới có ý nghĩa cho họ. Thậm chí khi nguồn ngân sách của họ được bổ sung thì những khoản tiền này cũng thường rất hạn chế. Kết quả là, đội ngũ cán bộ giảng dạy và các khoa thường do dự trong việc cam kết thực hiện các chương trình. Điều này đặc biệt đúng với các trường đại học có các chương trình nghiên cứu. Trong nhiều trường hợp, tiền bổ sung cho công tác nghiên cứu lại làm giảm những cam kết của giảng viên đối với công tác giảng dạy, dẫn tới các giảng viên chính phải gánh ngày càng nhiều việc. Không có gì lạ, trong những trường hợp đó, việc thực hiện những công nghệ học tập ít được ủng hộ nếu không muốn nói là bị phản đối trực tiếp từ đội ngũ cán bộ giảng dạy. Bởi vậy, cần có những giải pháp hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh và công nghệ học tập ở cấp độ chương trình, khoa hay đơn vị.

#### **4. Thiết kế lại và cá nhân hoá những dịch vụ hỗ trợ cho học sinh**

Lãnh đạo các trường ngày càng nhận rõ rằng để tranh thủ được sự ủng hộ và sự tham gia của nhân dân, các trường cần phải tập trung ngày càng nhiều vào việc xây dựng lại các chương trình học theo yêu cầu của học sinh để phục vụ học sinh tốt hơn cả về vật chất, kinh tế và học tập. Theo đó, các dịch vụ sinh viên như tuyển sinh, tư vấn, đăng kí sinh viên và sắp xếp việc làm phải được thiết kế lại để những dịch vụ này được cung cấp một cách linh hoạt hơn thông qua nhiều kênh, nhiều con đường mà sinh viên khởi xướng và kiểm soát. Những cuộc tiếp xúc trực tiếp và đồng thời được cá nhân hoá này với sinh viên ngày càng đóng vai trò trung tâm đối với chất lượng của công tác tổ chức và chất lượng giáo dục.

Tập trung sự chuyển đổi vào việc xây dựng các chương trình cụ thể theo nhu cầu của khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân sinh viên. Tuy nhiên, đối tượng học đang thay đổi ở các trường đại học, gồm cả những nhà chuyên môn lớn tuổi, những sinh viên làm việc nửa ngày, những khác biệt về địa lí..., đang làm cho việc chiều theo ý khách hàng và sự tiện lợi thành đòi hỏi bức xúc của tất cả các chương trình và dịch vụ giáo dục.

#### **5. Đưa cao việc học tập suốt đời và học nối mạng**

Các trường đang tập trung nhiều hơn vào việc giúp học sinh phát triển những kĩ năng cần

thiết để thành công mà trong đó người ta đánh giá cao và tưởng thưởng cho những người có năng lực làm việc theo nhóm, biết phát huy những cách tiếp cận sáng tạo để giải quyết vấn đề và để không ngừng học tập. Ngay cả khi các trường buộc phải nhạy bén hơn với nhu cầu phát triển lực lượng lao động và với nhu cầu đào tạo của các công ty, doanh nghiệp thì cũng có rất nhiều ngành thấy rằng tập quán kinh doanh và các quá trình sản xuất của họ đang thay đổi nhanh tới mức nhu cầu thực tế của họ là cần những người có khả năng thích ứng và những người biết cách học và biết giải quyết vấn đề. Do nhu cầu này trực tiếp tương thích với vai trò lịch sử của GDĐH nên những trường đại học nào tập trung vào việc giúp sinh viên biết cách học và áp dụng những điều đã học được vào những tình huống thực tế sẽ ngày càng được đánh giá cao. Những trường nào tiếp tục đo việc học hành bằng những quá trình đánh giá trừu tượng hoặc không mạch lạc như tổ chức các bài thi có nội dung học theo lớp, các bài trắc nghiệm có nhiều cách lựa chọn và những dạng nhớ máy móc khác sẽ ngày càng ở thế cạnh tranh bất lợi. Hệ thống giáo dục thời công nghiệp hiện đại sẽ chuyển sang thời kì hậu hiện đại mà ở đó lợi dụng tinh thể, hợp tác và xây dựng là những kĩ năng sáng giá được đánh giá cao.

#### **6. Đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực công nghệ**

Các trường cần phát triển đội ngũ giảng viên chuyên trách, có năng lực để thu hút ngày càng nhiều người học có nhu cầu học phức tạp. Trong một thế giới phụ thuộc vào công nghệ để giao tiếp và phát triển kinh tế, thì các trường đại học và cao đẳng phải nghiêm túc đáp ứng những thách thức của công nghệ và phải đầu tư nhiều hơn vào đội ngũ giảng dạy và cán bộ có kinh nghiệm với công nghệ và họ có thể làm gương cũng như truyền những kinh nghiệm cho người học.

Các trường cần chú ý tới việc bồi dưỡng giảng viên cả trong việc sử dụng công nghệ học tập và thử nghiệm môi trường học tập xung quanh, tới hoạt động và trách nhiệm của giảng viên và đặc biệt là tập trung vào hoạt động và trách nhiệm của sinh viên. Những phương thức tăng cường mối quan hệ tương tác giữa sinh viên và giảng viên là rất cần thiết.

#### **7. Xây dựng liên minh với các đơn vị khác**

Hơn một thập kỉ qua nhiều trường đại học đã liên minh với nhau và với các đơn vị khác ngoài ngành, kể cả các doanh nghiệp. Những liên minh này là chiến lược kinh doanh cơ bản và vì vậy, các trường sẽ mở rộng mạng lưới liên minh

trong tương lai. Khi nhu cầu học tăng lên và cơ hội tiếp cận với GDĐH được cải thiện thì cạnh tranh cũng không ngừng tăng. Sự cạnh tranh này khiến các trường cũng như các tổng công ty tập trung vào những thế lợi của mình về chương trình đào tạo. Hợp tác để cạnh tranh là một chiến lược liên kết ngày càng quan trọng của các trường đại học. Sự liên minh này có thể là:

- Trường này với trường khác;
- Khoa của trường này với trường khác;
- Khoa của trường này với khoa của trường khác;
- Trường ở nước này với trường của nước khác;
- Khoa chuyên ngành của trường ở nước này với trường chuyên ngành ở nước khác;
- Giữa nhiều trường trong một nước;
- Giữa nhiều trường của nhiều nước;
- Giữa trường với các công ty, tập đoàn kinh tế, tập đoàn sản xuất lớn....

Các trường liên kết bắt đầu mở rộng sứ mệnh của mình để làm cả chức năng công nhận và cấp bằng quốc tế. Mặc dù trong một số trường hợp, các tổng công ty liên doanh cũng đang tự xây dựng và giảng dạy những chương trình của mình nhưng họ vẫn hình thành những liên minh chiến lược mới với các trường đại học. Đây là một xu hướng mới đang thịnh hành ở các nước. Ở Hoa Kỳ, nhiều trường đại học vì lợi nhuận đang tham gia vào việc thử nghiệm những giá định mới về khả năng và vai trò của doanh nghiệp trong GDĐH.

### 8. Đưa công nghệ học tập vào tư duy chiến lược

Các trường đại học cần lồng ghép công nghệ học tập vào công tác kế hoạch hoá chiến lược và vào việc xác định những ưu tiên của trường mình vì những trường này hiện đang lồng ghép việc kế hoạch hoá cơ sở vật chất, các quá trình hành chính, sự hỗ trợ của thư viện và những dịch vụ cho sinh viên với nhau. Công nghệ học tập không còn là trách nhiệm duy nhất của các đơn vị phụ trách việc tính toán, công nghệ thông tin hay viễn thông nữa. Chúng đã thâm nhập vào toàn bộ đời sống của các trường đại học. Việc chúng được sử dụng, thực hiện và đánh giá như thế nào có thể đẩy tới hoặc làm chậm lại toàn bộ sự phát triển và bước tiến của một trường đại học. Sự tích hợp này sẽ cần sự tham gia rộng rãi của đội ngũ lãnh đạo, giảng viên và cán bộ của trường.

### 9. Đo chất lượng chương trình giáo dục

Người ta đang đo chất lượng của các chương trình giáo dục bằng việc dựa ngày càng nhiều vào kết quả học tập của sinh viên hơn là đầu vào. Kết quả học tập có ý nghĩa hơn với sinh

viên và các cơ quan thuê việc, còn đầu vào chỉ có ý nghĩa quan trọng với giảng viên và các nhà quản lí. Theo Graves, đây được xem là mâu thuẫn giữa quan điểm xem giáo dục hoạt động vì "lợi ích công" (mô hình truyền thống) với quan điểm xem giáo dục hoạt động vì "lợi ích tư" hoặc vì "lợi ích của cơ quan tuyển dụng".

Đây là sự chuyển hướng mạnh mẽ trong cách đo và đánh giá chất lượng giáo dục. Tính linh hoạt, tính nhạy bén, tính kịp thời, tính hiệu quả và tính ứng dụng là những tiêu chí mới quan trọng để đo chất lượng. Những chỉ số để công nhận và đánh giá chất lượng chương trình đang thay đổi, phản ánh sự đo đạc cụ thể hơn đối với việc học tập. Một số hiệp hội chuyên về công nhận chất lượng đang cải cách tiêu chí và các quá trình đánh giá của mình. Việc cam kết tích cực giữa sinh viên và giảng viên, giữa sinh viên và cán bộ giáo dục, giữa khách hàng và các trường đại học ngày càng trở thành một thành tố quan trọng trong đo đạc và đánh giá chất lượng. Tuy nhiên, hoạt động học tập của sinh viên để phát triển cách nhìn nhận và tiếp cận khác nhau đối với việc giải quyết vấn đề, để có được những kĩ năng tư duy phê phán, để nâng cao năng lực làm việc có hiệu quả trong tập thể và để xây dựng mô hình học tập thường xuyên trong và ngoài nơi làm việc mới chính là thước đo thành công của các chương trình giáo dục trong tương lai.

### 10. Giành được lợi thế so sánh của trường

Đối với một số trường, môi trường kĩ thuật số cho phép tập trung các nguồn lực vào một số chương trình duy nhất hoặc tốt nhất và dạy chúng trên khắp thế giới. Với những trường khác, thì tổ chức các chương trình khác nhau để tranh thủ kết hợp những điểm mạnh của các chương trình. Trong khi những trường khác lại phát triển những quan hệ đối tác đúng để khắc phục những điểm yếu trong các chương trình, trong hoạt động giảng dạy và cung cấp dịch vụ cho sinh viên hoặc trong các lĩnh vực khác có ý nghĩa quan trọng đối với việc dạy những chương trình chất lượng cao. Việc có nhiều cơ hội đòi hỏi phải tập trung cao hơn và làm rõ hơn mục đích và lợi thế so sánh khi các trường cạnh tranh nhau trên một thị trường rộng lớn hơn và phức tạp hơn. Trong bối cảnh đó, các trường đại học và cao đẳng, kể cả những trường tốt nhất đều phải cạnh tranh và bị thách thức bởi phải làm thế nào để những chương trình, cấu trúc và quá trình đào tạo của mình thích hợp với điều kiện mới.

### 11. Cải tạo tính quan liêu, văn hoá học đường và những giả định

Trước thách thức khó khăn nhất, các trường

bước phải thay đổi các quá trình ra quyết định và thay đổi căn bản các giả định hoạt động trước đây. Những quá trình phù hợp với một môi trường ổn định, mà trong môi trường đó thị trường được xác định rõ ràng, cơ cấu chương trình tương đối thống nhất và sự cạnh tranh bị hạn chế, không còn hiệu quả trong một thế giới đã được mạng hoá. Các trường cũng phát hiện ra rằng cần có những thay đổi lớn để phục vụ sinh viên có hiệu quả hơn và để cạnh tranh với những trường khác.

Các quá trình để đạt được sự đổi mới này cũng đã phát triển: những nỗ lực hai thập kỷ trước đây tập trung vào việc nâng cao chất lượng thông qua việc cải tiến những quá trình hành chính và giảng dạy; trong khi đó, những nỗ lực hiện nay nhấn mạnh vào việc tạo ra những đánh giá thoáng hơn, chân thực, toàn diện hơn và tái tạo ra một tầm nhìn mới, sứ mệnh mới, một văn hoá học đường mới, một chiến lược mới, những quá trình quyết định mới và kết quả mới.

#### Kết luận

Các trường đại học đang trong quá trình thay đổi nhanh nhằm đáp ứng những đổi mới về môi trường, xã hội, kinh tế, công nghệ và chính trị trên quy mô toàn thế giới. Vì vậy, họ phải đối mặt với nhiều thách thức sâu rộng. Cần phải tạo ra những chiến lược mới, hoạch định mới để giúp những trường này có khả năng tồn tại và phát triển thích ứng với những điều kiện mới.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. James Hilton, *The Future for Higher Education, Sunrise or Perfect Storm?* 2006.
2. The National Foundation for the Improvement of Education, *Images in Action: Learning Tomorrow: Linking Technology and Restructuring* (Washington, D.C.: The National Foundation for the Improvement of Education)
3. Alvin Toffler, *Future Shock* (New York: Bantam, 1971).
4. John Naisbitt and Patricia Aburdende, *Megatrends 2000: Ten New Directions for the 1990s* (New York: Avon Books, 1990).
5. Harold G. Shane, "The Silicon Age II: Living and Learning In an Information Epoch," Phi elta Kappan (October 1983).

#### SUMMARY

*The article highlights some striking major challenges to higher education in the present-day world while suggesting that educational leaders and managers, especially university ones build and expand their strategic vision to enable their universities to survive, develop and adapt to new conditions.*

## ĐỔI MỚI QUẢN LÝ...

(Tiếp theo trang 7)

quản lý ra các quyết định điều chỉnh kịp thời trong quá trình thực hiện kế hoạch, tạo ra sự gắn kết, thống nhất trong nhà trường.

- Vận dụng TQM vào QLNT cần có sự bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng quản lý, tổ chức lao động một cách khoa học, tạo ra những thay đổi nhận thức về chất lượng, văn hoá chất lượng của nhà trường, mọi hoạt động đều hướng tới nâng cao CLGDNT.

- Tạo ra một môi trường và cung cách làm việc cộng tác, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các đồng nghiệp hướng vào nâng cao chất lượng các hoạt động sư phạm nhằm đem đến thường xuyên những giá trị gia tăng giúp cho người học phát triển.

- Để QLNT theo TQM, người CBQL cần phải là người có văn hoá quản lý hội đủ ba nhân tố: tầm nhìn quản lý, kĩ năng quản lý, và phong cách quản lý.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Giáo dục* (2005), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
2. Nguyễn Đức Chính, *Kiểm định CLGD Đại học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002.
3. Nguyễn Văn Đản. *Các giải pháp cơ bản nâng cao CLGD phổ thông*. Đề tài nghiên cứu KHCN cấp Bộ, Mã số B2004-CTGD-03, Hà Nội, 2006.
4. Trần Khánh Đức. *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nguồn nhân lực theo ISO & TQM*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004.
5. Lưu Xuân Mới. *Kiểm định và quản lý chất lượng giáo dục*. Tài liệu dùng cho các lớp cao học đào tạo Thạc sĩ quản lý giáo dục. Trường CBQLGD&ĐT, Hà Nội, 2004.
6. Lưu Xuân Mới. *Đổi mới quản lý CLGD - giải pháp cơ bản của việc đổi mới quản lý trường phổ thông*. Kỷ yếu hội thảo "các giải pháp cơ bản đổi mới quản lý trường phổ thông". Trường CBQLGD&ĐT, 2006.

#### SUMMARY

*On the basis of confirming school management based on the TQM approach and effective management to achieve educational quality, the author presents and analyzes the following problems: applying TQM to school management; the process of applying TQM to school management; solutions and conditions to renew school management based on TQM.*